

S : 179 /2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xử lý hàng hóa bất động sản, bất động sản, quá trình khai thác khai thác quan trọng bất động sản mà chủ sở hữu bất động sản quy định tại Điều 45 Luật Hàng hải và hàng hóa không có người khác

Căn cứ Luật Hàng hải số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý phạt vi phạm hành chính và công khai thi hành quy định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính và công khai thi hành quy định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa bất động sản, bất động sản, quá trình khai thác khai thác quan trọng bất động sản mà chủ sở hữu bất động sản quy định tại Điều 45 Luật Hàng hải và hàng hóa không có người khác như sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn trình tự xử lý về hàng hóa bất động sản, bất động sản, quá trình khai thác khai thác quan trọng bất động sản theo quy định tại Điều 45 Luật Hàng hải và hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xuất nhập hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu ngoài vận chuyển, ngoài lĩnh vực khai thác không có người khác (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) lưu giữ tại các cảng biển.

2. Hàng tiền tệ quốc tế (ICD), tài khoản thanh toán (CFS) và các loại tài khoản khác theo hướng dẫn của Thông tin này.

3. Thông tin này không áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Hàng hóa do ngân hàng chuyển giao biên giới tài chính Việt Nam (thực hiện theo Nghị định 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ);

b) Thẻ, bù phôi, bù tiền vô danh (thực hiện theo Thông tin liên tịch số 03/2004/TTLT-BBCVT-BTC ngày 29/11/2004 của liên Bộ Tài chính Việt Nam - Bộ Tài chính);

c) Hàng hóa, hành lý, tài sản không có giấy nhả tại các ngân hàng không Việt Nam (thực hiện theo Thông tin số 33/2004/TT-BTC ngày 15/4/2004 của Bộ Tài chính);

d) Hàng tiền tệ trong kho ngoại quan (thực hiện theo hướng dẫn của Thông tin số 195/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính);

e) Hàng hóa bất động sản, bất động sản, nhậm quyền, quá trình khai thác quan mà chủ sở hữu không đồng ý, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Thông tin này áp dụng cho tất cả cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc xử lý hàng hóa bất động sản, bất động sản, nhậm quyền, quá trình khai thác quan mà chủ sở hữu không đồng ý, hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xử lý hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu ngoài biên giới, ngoài lãnh thổ khai không có giấy nhả.

Điều 3. Ghi chú thích

Hàng tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tin này bao gồm:

1. Hàng hóa bất động sản:

a) Hàng hóa mà chủ hàng có văn bản thông báo viết; hoặc không đồng ý hoặc không chấp thuận sau khi đã có quan hệ quan thông báo;

b) Hàng hóa do ngân hàng chuyển giao biên giới tài chính Việt Nam biên giới tài chính và ngân hàng chuyển có văn bản quy định.

2. Hàng hóa bất động sản:

a) Hàng hóa có chủ nhân tại Việt Nam, bất động sản qua nước khác sau đó vào Việt Nam, không có giấy nhả;

b) Hàng hóa ghi nhận nước khác, bất động sản Việt Nam, không có giấy nhả;

3. Hàng hóa bất động sản mà chủ nhân tại Việt Nam, không có giấy nhả.

4. Hàng hóa quá thời hạn khai hải quan các quan hải quan thông báo công khai trên các phương tiện thông tin nếu chúng không có người nhận.

5. Hàng hóa khác lưu giữ tại cửa khẩu không có người nhận:

a) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xử lý hàng hóa;

b) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lịch khai.

CHƯƠNG II

THEO DÕI, THÔNG BÁO HÀNG TÊN NG

Điều 4. Theo dõi, phân loại hàng tên ng

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi:

a) Theo dõi, thống kê, phân loại hàng tên ng theo Bộ luật số 01/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này.

b) Thông báo cho người nhận hàng hoặc Hãng tàu/ đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận theo quy định tại khoản 2 điều 5 Thông tư này.

c) Thông báo tình hình hàng tên ng cho Chi cục hải quan quản lý (sau đây gọi tắt là Chi cục hải quan) nhập khẩu vào ngày 05 của tháng kế tiếp. Riêng với hàng hóa thu cước lưu bãi hàng, hàng công suất, hóa chất nguy hiểm, cháy, hàng sắp hết thời hạn sử dụng thì việc thông báo thực hiện trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày người nhận hàng có vận đơn thông báo việc tiếp nhận hoặc kể từ ngày hết thời hạn lưu giữ tại khu vực cửa khẩu quá 90 ngày kể từ ngày hàng nhập khẩu hàng.

d) Báo trí tại kho, bãi làm báo áp dụng các điều kiện giám sát hải quan lưu giữ, báo quản hàng tên ng trong thời gian chờ xử lý.

) Tham gia Hội nghị xử lý hàng hóa bất hợp pháp

2. Trách nhiệm của Hãng tàu/ đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận (sau đây gọi tắt là người vận chuyển):

Người vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập và danh sách vận đơn quá 90 ngày kể từ ngày hàng nhập khẩu, chưa có người nhận theo Bộ luật số 01/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này, kèm các chứng từ thông báo hàng nhập khẩu.

3. Trách nhiệm của Chi cục hải quan:

a) Phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi và người vận chuyển thống kê, theo dõi, thống kê, phân loại và thực hiện giám sát lưu giữ hàng tên ng (theo Bộ luật số 02/2011/TH-HQ ban hành kèm Thông tư này).

b) Làm thủ tục thông báo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục thông báo

1. Đối với các lô hàng tạm ngưng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này:

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi về lô hàng tạm ngưng tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này, Chi cục hải quan quản lý nhập thông tin 03 liên tiếp về lô hàng trên đài truyền hình Việt Nam, đài truyền hình địa phương, Báo Hải quan, Báo Điện tử doanh nghiệp, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục hải quan; Thời hạn thông báo ngưng nhập nhàn hàng là 180 ngày kể từ ngày thông báo.

Đối với hàng hóa đã bị hỏng, hàng hỏng lặt vặt, hóa chất nguy hiểm, chất thải thì thời hạn thông báo ngưng nhập nhàn hàng là 30 ngày và thông báo 02 liên tiếp.

2. Đối với hàng hóa không có ngưng nhập nhàn khác quy định tại Điều 5 khoản 5 Điều 3 Thông tư này:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng về nhập kho hàng, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thông báo cho ngưng nhập nhàn hàng/ngưng nhập nhàn chuyên nhập nhàn theo Biện pháp 03/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này; số liên thông báo là 02 liên trong thời hạn 30 ngày.

3. Quá thời hạn thông báo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, nếu không có ngưng nhập nhàn hàng thì Chi cục hải quan lập hồ sơ xử lý theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư này.

4. Trong thời hạn thông báo, nếu chủ hàng hóa nhập nhàn thì cần làm thủ tục nhập kho và phân phối nhập kho vì cần làm thủ tục hải quan không đúng thời hạn quy định theo quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và các chi phí phát sinh do vi phạm nhập nhàn hàng. Trường hợp vì cần ngưng ký kết khai thác thì cần liên hệ Chi cục hải quan khác, thì Chi cục hải quan nhập nhàn ký kết khai phá có văn bản thông báo cho Chi cục hải quan quản lý hàng tạm bị tạm ngưng theo dõi và làm các thủ tục tiếp theo.

5. Các trường hợp không phải thông báo:

a) Hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều 3 và Điều 5 khoản 5 Điều 3 Thông tư này;

b) Cơ quan hải quan xác định hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, nhưng không phải là buôn lậu, gian lận thuế;

c) Trường hợp yêu cầu xử lý khẩn cấp kịp thời ngay khi nhận hoặc giám sát thì có thể xảy ra đối với hàng hóa, ngưng nhập nhàn và tài sản trong khu vực cấm nhập nhàn thì Chi cục hải quan phải nhập nhàn nghiệp kinh doanh kho, bãi và

ng ỉ v n chuy n báo cáo C c tr ̣ng C c h i quan t i n hành x ̣ lý theo quy nh t i Thông t ̣ này, không ph ỉ thông báo.

CH ̣ NG III

T CH THU VÀ L P H S X LÝ HÀNG T N ̣ NG

ĩ u 6. T ch thu và l p h s x lý hàng t n ̣ ng

1. Trong th ỉ h n 05 ngày, k t ̣ ngày h t th ỉ h n thông báo (180 ngày ho c 30 ngày) t ỉ ỉ u 5 Thông t ̣ này, Chi c c h i quan n ỉ c ỏ hàng t n ̣ ng l p h s ̣ , báo cáo C c tr ̣ng C c h i quan t nh, liên t nh, thành ph ̣ (sau ̣ này g ỉ t t là C c h i quan) ra quy t ̣ nh t ch thu.

H s ̣ ngh g m:

a) V n b n ̣ ngh x lý hàng t n ̣ ng;

b) B ng kê chi t i t v hàng hóa (tên hàng, s ̣ l ̣ ng cont, tr ng l ̣ ng, tên/ a ch ng ỉ g ỉ, ng ỉ nh n, tên ph ̣ ng t i n/ngày nh p c nh, s ̣ /ngày v n n, n c xu t kh u): 01 b n chính;

c) Công v n ̣ ngh ng t ỉ g ỉ ài truy n hình Vi t Nam, ài truy n hình a ph ̣ ng, Báo H ỉ quan, Báo Di n ̣ àn doanh nghi p v lô hàng ho c thông báo c a doanh nghi p kinh doanh kho, bãi cho ng ỉ nh n hàng/ ng ỉ v n chuy n: 01 b n sao c a t ng l n thông báo;

d) V n b n thông báo t b hàng hoá ho c ch ng t ch ng minh v i c t b hàng hóa c a ch hàng ho c ng ỉ v n chuy n (n u c ỏ): 01 b n chính.

2. Trong th ỉ h n 05 ngày, k t ̣ ngày nh n c b h s ̣ ngh x lý c a Chi c c h i quan, C c tr ̣ng C c h i quan c n c quy nh t i ỉ u 35 Ngh ̣ nh 97/2007/N ̣ -CP ngày 07 tháng 6 n m 2007 c a Chính ph ̣ và h ̣ ng đ n t i Thông t ̣ này, ra Quy t ̣ nh t ch thu s hàng t n ̣ ng (theo m u Q ̣ -34 - Quy t ̣ nh t ch thu tang v t, ph ̣ ng t i n v i ph m hành chính ban hành kèm Ngh ̣ nh 97/2007/N ̣ -CP) và g ỉ cho các t ch c, cá nh n có liên quan th c h i n, ng th ỉ c ỏ v n b n ̣ ngh S ̣ Tài chính thành l p H ỉ ng x lý hàng t n ̣ ng, g ỉ kèm B ng kê chi t i t hàng t n ̣ ng.

CH ̣ NG IV

X LÝ HÀNG T N ̣ NG

M c 1

Trình t x lý hàng t n ̣ ng

ĩ u 7. H ỉ ng x lý

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, ngành xử lý hàng t n c a C c h i quan, Giám c S Tài chính t nh, thành ph ra quy t nh thành l p H i ng x lý hàng t n ng.

Thành ph n H i ng x lý g m:

a) Ch t ch H i ng: Lãnh o S Tài chính;

b) Phó ch t ch H i ng: Giám c doanh nghi p kinh doanh kho, bãi;

c) Các thành viên:

c.1. i di n C c H i quan (Phòng Tham m u ch ng buôn l u và x lý và Chi c c h i quan);

c.2. i di n hàng tàu/ i lý hãng tàu (n u c n thi t);

c.3. i di n c quan qu n lý chuyên ngành, nh : S Tài nguyên môi tr ng, Chi c c ki m d ch,... (tr ng h p vi c x lý hàng t n ng có liên quan n môi tr ng, ki m d ch,...)

2. Trong quá trình th c hi n, Ch t ch H i ng có th giao doanh nghi p kinh doanh kho, bãi (Phó ch t ch H i ng) ti n hành x lý hàng t n ng theo h ng d n t i m c l Ch ng này, k t thúc x lý ph i có báo cáo c th k t qu v i H i ng.

3. H i ng x lý c s d ng con d u c a S Tài chính th c hi n nhi m v và t gi i th sau khi hoàn thành nhi m v .

4. C n c vào tình hình th c t hàng hóa t n ng t i khu v c c a kh u do n v qu n lý, Giám c S Tài chính t nh, thành ph có th thành l p H i ng th ng tr c x lý hàng hoá t n ng theo t ng giai o n trong n m.

5. Trong quá trình th c hi n nhi m v , n u th y c n thi t, H i ng x lý có th thành l p các b ph n chuyên môn giúp vi c cho H i ng (nh : ki m kê, phân lo i hàng t n, th ký H i ng,...) ho c thuê t ch c giám nh c thành l p và ho t ng theo quy nh c a pháp lu t giám nh ch t l ng, làm c s xây d ng ph ng án x lý tài s n và xác nh giá tr tài s n.

i u 8. Ki m kê, phân lo i và ra quy t nh x lý hàng t n ng

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thành l p (ho c 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, ngành xử lý hàng t n c a C c h i quan i v i t nh, thành ph có H i ng th ng tr c), H i ng x lý ti n hành:

1. M niêm phong hàng hoá ho c niêm phong container (n u có);

2. Ki m tra, phân lo i hàng t n ng;

3. Xác nh giá tr hàng hóa t n ng;

4. L p Biên b n ch ng nh n;

5. Ra quy t nh tiêu h y ho c bán thanh lý (chia thành t ng lô ho c c lô hàng);

6. Bàn giao hàng tồn kho cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi quản lý, chôn cất.

Điều 9. Hình thức xử lý

1. Xử lý tiêu hủy vì hàng hóa không còn giá trị sử dụng (mất mát, vỡ, hỏng, giảm phẩm chất, quá hạn sử dụng, không bảo đảm chất lượng sử dụng) hoặc thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trường hợp bán thanh lý vì hàng hóa còn giá trị sử dụng.

a) Việc bán hàng tồn kho thực hiện thông qua hình thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật, hoặc bán trực tiếp (không thông qua đấu giá) theo quy định của pháp luật.

b) Các trường hợp các phép bán trực tiếp, không thông qua đấu giá:

b.1. Hàng tồn kho, đồ bêu thiu, khó bảo quản;

b.2. Hàng thực phẩm đã qua hạn sử dụng, thực phẩm mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày;

b.3. Các loại hàng hóa khác nhau không xử lý ngay sẽ hỏng, mất giá trị sử dụng.

b.4. Hàng hóa theo kết quả định giá có giá trị dưới 100 triệu đồng/lô hàng.

c) Trường hợp hàng hóa quy định của khoản 2 điều này thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có hiệu lực hiện hành hoặc thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thì Hội đồng xử lý ngành có thẩm quyền chuyên ngành có thẩm quyền cho phép nhập khẩu trực tiếp khi thực hiện bán hàng.

Điều 10. Thực hiện quy định xử lý

1. Vì hàng hóa phải tiêu hủy:

a) Doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi chỉ thực hiện việc tiêu hủy hoặc thuê các tổ chức, cá nhân có cấp giấy phép hành nghề tiêu hủy thực hiện việc tiêu hủy trong thời hạn do Hội đồng quy định. Việc tiêu hủy phải lập thành Biên bản tiêu hủy và có sự giám sát trực tiếp của Hội đồng xử lý.

Nội dung chủ yếu của Biên bản tiêu hủy gồm: căn cứ và lý do thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chức vụ, số lượng, hiện trạng của hàng hóa tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan.

b) Vì loại hàng hóa mà việc tiêu hủy làm ảnh hưởng môi trường thì phải có sự chấp thuận và hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường tại thời điểm thực hiện tiêu hủy.

2. Vì hàng bán thanh lý:

a) Vì hàng hóa bán trực tiếp (không qua đấu giá):

Trên cơ sở giá trị hàng hoá xác định, Hội đồng xử lý giao doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua theo hình thức bán công khai hoặc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản) thực hiện việc bán hàng hoá trên mạng.

Việc bán hàng hoá phải lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: chủng loại hàng bán; thời gian, địa điểm bán; ngày bán; tên, chức vụ, số lượng, hiện trạng của hàng hoá tại thời điểm bán; đơn giá bán, giá trị thanh toán; người mua và các nội dung khác có liên quan.

b) Nội quy đấu giá hàng hoá bán đấu giá:

b.1. Giá khởi điểm của tổ chức bán đấu giá là giá do Hội đồng xử lý xác định trên cơ sở giá trị hàng hoá trên mạng (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36a Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ.

b.2. Hội đồng xử lý giao doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi trực tiếp tổ chức bán đấu giá hoặc thuê các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản) thực hiện việc bán đấu giá đấu giá hàng hoá trên mạng.

b.3. Trình tự, thủ tục bán đấu giá hàng hoá trên mạng thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

c) Kết thúc việc bán hàng hóa quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi báo cáo kết quả và nghị Hội đồng xử lý ra Quyết định bán hàng.

d) Người mua hàng hóa quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, không phải làm thủ tục nhập kho, không phải nộp các loại thuế và lệ phí nhập kho.

3. Khi bán hàng hoá trên mạng quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng xử lý có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người mua, gồm:

a) Hóa đơn bán tài sản để thu, sung công quỹ nhà nước theo mẫu số 01/TSSQ-3L.04 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2004/QĐ-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2004 của Bộ Tài chính; 01 bản chính;

b) Quyết định bán hàng trên mạng: 01 bản chính;

c) Phiếu xuất kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi: 01 bản chính;

d) Văn bản cho phép các quan có thẩm quyền về việc mua hàng nhập kho có hiệu lực (nếu có): 01 Bản sao;

Các bản sao phải có Chốt chữ Hội đồng ký xác nhận và đóng dấu.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hàng mua hàng, nếu người mua không nhận hàng hoặc không trả hàng hóa ra khỏi khu vực của khu, mà không có lý do chính đáng, thì Hội đồng thanh toán sẽ xử lý lãi lỗ hàng thanh toán theo hướng dẫn tại Chương IV Thông tư này.

Mục 2

Quy định tài chính sau khi xử lý

Điều 11. Quy định tài chính sau khi xử lý

Toàn bộ tiền thu được từ việc bán hàng thanh toán người mua thanh toán và doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 12 và 13 Thông tư này.

Điều 12. Nội dung chi liên quan

- Chi thuê các dịch vụ liên quan đến xử lý hàng hoá thanh toán bao gồm:
 - Kiểm kê, phân loại hàng hoá;
 - Giám nhận chất lượng, trọng giá hàng hóa;
 - Chi phí thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;
 - Chi phí tài liệu hồ sơ bán đấu giá, phí bán đấu giá (trong trường hợp thu các tài sản bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định).
- Chi phí cho các dịch vụ kho bãi, gồm:
 - Phí lưu kho, bãi (lưu hàng hóa và lưu container - nếu có) tính từ ngày Công trình Công bố quan ra Quy định thanh toán;
 - Chi phí nâng hạ, bốc xếp trong quá trình bán hàng;
 - Chi phí giao nhận và bốc xếp hàng hóa trong quá trình bán hàng.

Chi phí cho các dịch vụ kho bãi chi áp dụng với hàng hóa còn giá trị sử dụng và Hội đồng xử lý bán thanh lý.

3. Chi bố trí cho các thành viên của Hội đồng trong quá trình bán hàng thanh toán (kiểm kê, phân loại, giám nhận, nhận giá, lập phương án, tài sản bán hàng) theo chi công tác phí do Bộ Tài chính quy định. Ngày thanh toán là ngày thanh toán các thành viên thanh toán nhiệm vụ của Hội đồng.

4. Chi phí thực hiện tiêu hủy.

Điều 13. Quy định toán tài chính

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc xử lý (ngày hoàn thành việc tiêu hủy hoặc ngày ra quyết định bán hàng), doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thực hiện các khoản chi, kèm hồ sơ, chứng từ có liên quan, báo cáo Hội đồng xử lý phê duyệt. Việc chi trả các khoản chi thực hiện đúng theo thủ tục

tiên tu n t t kho n 1 n kho n 3 i u 12 Thông t này. N u lô hàng có m t ph n hàng bán thanh lý, m t ph n ph i x lý tiêu h y thì chi phí t ch c tiêu h y c u tiên thanh toán tr c.

Tr ng h p ch a có ngu n kinh phí th c hi n chi tr , thì doanh nghi p kinh doanh kho, bãi ng tr c kinh phí th c hi n chi tr .

2. S ti n thu c t vi c bán hàng hoá t n ng, sau khi ã tr i các chi phí quy nh t i i u 12, doanh nghi p kinh doanh kho, bãi có trách nhi m n p vào ngân sách nhà n c theo quy nh c a pháp lu t v phân c p qu n lý ngân sách nhà n c trong th i h n 05 ngày k t ngày k t thúc vi c chi tr . N u doanh nghi p kinh doanh kho, bãi có hành vi ch m n p kho n ti n này so v i th i h n quy nh thì s b x ph t 0,05% m i ngày tính trên s ti n ch m n p. Vi c x ph t do Ch t ch H i ng x lý ra quy t nh.

3. Trong tr ng h p ti n thu c t vi c x lý hàng không bù chi thì doanh nghi p kinh doanh kho, bãi c bù tr khi x lý lô hàng k t i p, n u ti p t c không bù chi thì c chuy n sang n m sau.

CH NG V

T CH C TH CHI N

i u 14. Báo cáo hàng t n ng

C n c thông báo hàng t n ng quá 90 ngày c a doanh nghi p kinh doanh kho, bãi k t qu công tác giám sát h i quan, nh k vào ngày 15 tháng u c a Quý, C c H i quan t nh, thành ph ch u trách nhi m t ng h p, rà soát, th ng kê s l ng các lô hàng t n ng và k t qu x lý hàng t n ng trong Quý (theo Bi u m u s 04/2011/BC-HQ ban hành kèm Thông t này) g i v T ng c c H i quan (qua C c Giám sát qu n lý v h i quan).

i u 15. L u tr h s x lý hàng t n ng

H s x lý hàng t n ng bao g m: H s ngh x lý c a Chi c c h i quan, C c H i quan t nh và h s x lý c a H i ng x lý ph i c l u tr theo quy nh i v i h s hàng hóa xu t kh u, nh p kh u.

i u 16. Hi u l c thi hành

1. Thông t này có hi u l c thi hành sau 45 ngày k t ngày ký và thay th Thông t s 05/2003/TT-BTC ngày 13 tháng 01 n m 2003 c a B Tài chính h ng d n x lý hàng t n ng t i c ng bi n Vi t Nam.

2. i v i các lô hàng t n ng phát sinh tr c ngày Thông t này có hi u l c, nh ng ch a c x lý, thì trình t x lý th c hi n theo h ng d n t i Thông t này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn giải quyết.

N i nh n:

- VP TW và các Ban chấp hành;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ, VPCP;
- Viện Kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kế toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Bộ TW và phòng chuyên ngành;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Các cơ quan truyền thông - Báo chí;
- Website Chính phủ;
- Các nhân viên thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Các Hội quan các tỉnh, thành phố;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
TH. TRƯỞNG**

Hoàng Anh Tuấn

TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH KHO, BÃI/ HỒ C
 TÊN HÃNG TÀU/ LÝ HÃNG TÀU/DOANH NGHIỆP GIAO NHẬN

Biểu mẫu 01/2011/TK-KB

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH HÀNG HÓA T N NG
T I

(Số lượng tính từ/...../..... đến/...../.....)

Kính gửi: Chi cục Hải quan cửa khẩu

TT	Tên hàng	Số lượng, trọng lượng	Số, loại container/seal	Ngày gửi, địa chỉ	Ngày nhận, địa chỉ	Số/ ngày vận chuyển	Tên PTVT/ngày nhập cảnh	Vị trí, địa điểm lưu giữ hàng	Phân loại hàng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú: Ô số (9) ghi rõ: Thứ tự, nội dung, thời gian, quá trình khai hải quan, hàng hóa không có nội dung khác;

NGƯỜI LẬP BÁO

GIÁM CHẤM

S THEO DỐI T NG H P, PHÂN LO I HÀNG HÓA T N NG

TT	Tên hàng	S l ng/ tr ng l ng	S , lo i cont/s seal	Ng i nh n, a ch	S ng ày l u kho, bãi	a i m l u gi hàng	Tình tr ng hàng hóa	Phân lo i t n ng	Công ch c vào s (ký, ghi rõ h tên, ngày vào s)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

- Ô s (9) ghi rõ: Th t l c, nh m l n, t b , quá th i h n khai h i quan, hàng hóa không có ng i nh n khác;
- Ô s (8) ghi m t s l u ý v hàng hóa (n u có) nh : Hàng ô ng l nh, hóa ch t, hàng có kh n ng gây ô nhi m môi tr ng,...

LÃNH O CH I C C

THÔNG BÁO L N TH

Kính g i:

- Tên ng i nh n (n u có);
- Hãng tàu/ i lý hãng tàu/Công ty giao nh n.

Thông tin v lô hàng:

- + Tên hàng:
- + S l ng, tr ng l ng:
- + S , lo i cont/s seal:
- + S /ngày v n n (n u có):
- + Tên PTVT/ngày nh p c nh:
- + V trí, a i m l u gi hàng:
- + Tên, a ch ng i g i:
- + Tên, a ch ng i nh n:

n nay, ã quá 30 ngày k t ngày lô hàng n c ng, nh ng Công ty ... (doanh nghiệp p kinh doanh kho, bãi) v n ch a th y n v nào n nh n.

Trong th i h n 30 ngày k t ngày thông báo l n u (*ghi rõ ngày thông báo l n u*) n u không có n v nào n nh n, Công ty ... (doanh nghiệp p kinh doanh kho, bãi) s bàn giao toàn b lô hàng cho c quan h i quan c a kh u t i n hành x lý theo quy nh t i Thông t s/2011/TT-BTC ngày tháng n m 2011 c a B Tài chính h ng đ n x lý i v i hàng hóa b t b , th t l c, nh m l n, quá th i h n khai h i quan t i c a kh u c ng bi n mà ch a có ng i n nh n theo quy nh t i i u 45 Lu t H i quan.

N i nh n:

- Nh trên;
- Chi c h i quan ...;
- L u: ...

**GIÁM C DOANH NGHIỆP P
KINH DOANH KHO, BÃI**

B NG T NG H P, TH NG KÊ VÀ BÁO CÁO K T QU X LÝ HÀNG HÓA T N NG
(S li u tính t/...../..... n/...../.....)

TT	TH NG KÊ HÀNG T N					K T QU X LÝ
	Tên hàng	S l ng, tr ng l ng	S ngày l u kho, bãi	a i m l u gi hàng	Phân lo i t n ng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú: Ô s (7): - N u tiêu h y thì ghi rõ lý do, th i gian, a i m tiêu hu ; thành ph n tham gia tiêu hu ; hình th c tiêu hu ;
 - N u chuy n h s sang c quan ch c n ng x lý thì ghi rõ lý do, s , ngày công v n chuy n, k t qu x lý (n u có);
 - N u bán thì ghi rõ: hình th c bán, tr giá hàng hóa.

NG IL PBI U

LÃNH OC C

N i nh n:
 - C c GSQL;
 - L u VT.